

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT HTC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT HTC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTC VIET NAM TECHNOLOGY TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HTC TECHCOM JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108211870

3. Ngày thành lập: 02/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20a, ngõ 356 đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
4.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
5.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
6.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
7.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
11.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
12.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
13.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
14.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
15.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
16.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
17.	Tái chế phế liệu	3830
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
19.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
24.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
25.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
30.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Đúc sắt, thép	2431
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
36.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
37.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
38.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
39.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
40.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
41.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Đúc kim loại màu	2432
44.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511(Chính)
45.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
46.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
50.	Cho thuê xe có động cơ	7710

51.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
52.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
53.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
54.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
55.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
56.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
59.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
62.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
63.	Phá dỡ	4311
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
65.	Bán buôn thực phẩm	4632

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÌNH XUÂN HIỆP	Xóm 2, thôn Ngọc Động, Xã Gia Phong, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	16,667	164312857	
			Tổng số	50.000	500.000.000	16,667		
2	LÊ VĂN THẠCH	Thôn Địa, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	16,667	033081000244	
			Tổng số	50.000	500.000.000	16,667		

3	NGUYỄN THỊ HIỀN	Thôn Tráng Việt, Xã Tráng Việt, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	16,667	0011870023 34	
			Tổng số	50.000	500.000.000	16,667		
4	NGUYỄN THANH TUYỀN	Thôn Thuần, Xã Bảo Đài, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	121755384	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		
5	LƯU THANH CƯỜNG	Thôn Khê Ngoại, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	0010890193 48	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		
6	NINH QUANG HUY	Số 9, ngách 102/27, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	135648959	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH TUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121755384

Ngày cấp: 06/08/2013

Nơi cấp: CA Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thuần, Xã Bảo Đài, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 3, thôn Cổ Điển, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội